TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 09 - 01 - 2020
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nguyệt

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: ông Ngô Đình Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 325/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Đức M; sinh năm 1987; nơi cư trú Số M CG, Phường X, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng *(có mặt)*.

Bị đơn: Chị Trương Thị Tú U, sinh năm 1988; nơi cư trú Số M CG, Phường X, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.*(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*.

Người kháng cáo: Anh Hồ Đức M – Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Hồ Đức M và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Anh Hồ Đức M và chị Trương Thị Tú U đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Số M CG, Phường X, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách sống vợ chồng khác

nhau, ngoài ra còn mâu thuẫn về kinh tế. Năm 2018, chị U đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa nhưng sau đó chị U rút đơn về để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đến nay không thể chung sống hạnh phúc. Anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với chị Trương Thị Tú U.

Về con chung: Anh M xác định có 02 con chung là Hồ Phương Nhã Đ, sinh ngày 21/4/2017 và Hồ Phương Bảo H, sinh ngày 21/4/2017. Các con đang sống chung với mẹ. Ly hôn, anh M đồng ý giao hai con chung cho chị U trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh M cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng/02 con (mỗi con 2.500.000đ/tháng)

Về tài sản chung: Anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn chị Trương Thị Tú U và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Chị và anh Hồ Đức M kết hôn và chung sống với nhau như anh M trình bày là đúng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Số M CG, Phường X, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh M không có trách nhiệm với gia đình, có tính cách gia trưởng và chi ly về kinh tế. Chị U mong muốn được hàn gắn gia đình, cả hai khắc phục những thiếu sót để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Chị U xác định có 02 con chung là Hồ Phương Nhã Đ, sinh ngày 21/4/2017 và Hồ Phương Bảo H, sinh ngày 21/4/2017. Các con đang sống chung với mẹ. Ly hôn, chị U yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh M cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng/02 con (mỗi con 2.500.000đ/tháng)

Về tài sản chung: Chị U xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị U xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Bác yêu khởi kiện của anh Hồ Đức M về việc xin ly hôn với chị Trương Thị Tú U.

2. Về án phí: Anh Hồ Đức M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012328 ngày 26/6/2019 của Chị cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Anh M đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/10/2019 nguyên đơn anh Hồ Đức M có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh M được ly hôn với chị Trương Thị Tú U.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn anh Hồ Đức M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (*sau đây viết là HĐXX)* chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh được ly hôn với chị U, sửa bản án sơ thẩm.

Bị đơn chị Trương Thị Tú U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nội dung đơn chị vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu tại cấp sơ thẩm, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại giai đoạn phúc thẩm và đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Đức M, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Đức M, HĐXX thấy rằng anh M và chị U kết hôn vào năm 2017, trước khi kết hôn hai người có thời gian tìn hiểu, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Theo nguyên đơn anh M trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không cùng tính cách sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn về kinh tế nên giữa vợ chồng thường phát sinh bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau. Phía bị đơn chị U thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn vào năm 2018 nguyên nhân do anh M không có trách nhiệm với gia đình, có tính cách gia trưởng và chi ly về kinh tế nên giữa vợ chồng có dẫn đến cãi vã có những lời lẽ không tốt đẹp với nhau. Tuy nhiên chị cho rằng đó chỉ là những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống do hai người chưa hiểu nhau và chưa biết hy sinh nhường nhịn nhau, vì mục đích hôn nhân hạnh phúc, chị mong muốn vợ chồng hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Qua lời trình bày của các bên đương

sự có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn gửi đến Tòa án trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt HĐXX thấy rằng gia đình là nơi hình thành hạnh phúc và là môi trường quan trọng nuôi dưỡng nhân cách của mỗi con người. Để gia đình thật sự là tổ ấm Điều 19 Luật Hôn nhân & Gia đình Việt Nam quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đây là những yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định hạnh phúc và sự bền vững của gia đình, khẳng định giá trị và vai trò của tình cảm yêu thương giữa vợ chồng trong cuộc sống. Trong vụ án này, nguyên đơn anh M đưa ra lý do xuất phát từ cách sống vợ chồng không phù hợp để làm căn cứ cho yêu cầu xin ly hôn của mình là chưa thể hiện hết vai trò trách nhiệm của mỗi người trong đời sống chung. Về tuổi đời, hai vợ chồng còn quá trẻ muốn xây dựng một mối quan hệ nhôn nhân bền vững, hạnh phúc thì vợ chồng phải tìm hiểu và biết hy sinh cho nhau trong quá trình chung sống để đạt được mục đích là xây dựng tổ ấm gia đình. Dẫu rằng cuộc sống chung có nhiều trở ngại, khó khăn nhưng vì mục đích hôn nhân nên cả hai người phải thể hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình đối với nhau, với gia đình, với con chung và với xã hội. Trong quá trình chung sống bị đơn chị U nhận thấy những bất đồng phát sinh và mong muốn vợ chồng cố gắng khắc phục khó khăn, cùng tích cực thay đổi quan điểm sống để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ gia đình, có điều kiện để nuôi dạy con chung là suy nghĩ tích cực và hợp lý cần động viên khuyến khích, chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án bác đơn xin ly hôn của nguyên đơn anh M là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu quan điểm của mình và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở. Do vậy HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Đức M, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên người có kháng cáo phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Hồ Đức M đối với bị đơn chị Trương Thị Tú U.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 52/2019/HNGĐ-ST ngày 04 /10 /2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Đà Lạt.

Xử:

1. Bác yêu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Đức M về việc xin ly hôn với bị đơn chị Trương Thị Tú U.

2. Về án phí: Buộc Anh Hồ Đức M phải chịu 300.000đ*(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Tổng cộng 600.000đ *Sáu trăm ngàn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ *(Sáu trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0012328 ngày 26/6/2019 và Biên lai thu số AA/2016/0016854 ngày 29/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Anh M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND tp Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng